

TRƯỜNG ĐHSP KỸ THUẬT VINH
PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHOÁ BIỂU LÝ THUYẾT LỚP ĐẠI HỌC KHOÁ 19 (ĐỢT 1) HỌC KỲ THỨ 1
NĂM HỌC 2024-2025 (Chính thức)

TT	Lớp/ Thời gian học, thi	Buổi/ Phòng	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Số tín chỉ và chú thích thực hiện
1	DHOTOCK19A1 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Sáng	1		Triết học Mác - Lênin(124)_02 HàLTN (A2.412)	Toán cao cấp 1(124)_02 ThịHuyềnN (A2.412)	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_02_TH MinhHC (...)	Vật lý đại cương 1(124)_01 HàoBD (A2.412)	Nhập môn ngành công nghệ ô tô(124)_01 ChinhNH (A2.101)	
			2							
			3			Vẽ kỹ thuật(124)_01 HiếuTB (A2.412)		Kỹ năng mềm(124)_02 PhongLT (A2.412)		
			4							
			5							
2	DHOTOCK19A2 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Sáng	1				Toán cao cấp 1(124)_11 NhưngNTT (A2.411)	Triết học Mác - Lênin(124)_07 CôngAnN (A2.411)		
			2	Kỹ năng mềm(124)_11 TâmPT (A2.411)						
			3		Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_11_TH LuyệnNV (SVD3)	Nhập môn ngành công nghệ ô tô(124)_02 VănĐạiN (A2.411)	Vẽ kỹ thuật(124)_07 HiếuTB (A2.411)	Vật lý đại cương 1(124)_07 LinhLTN (A2.411)		
			4							
			5							
3	DHOTOCK19A3 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Sáng	1	Kỹ năng mềm(124)_12 HảiVA (A2.401)	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_12_TH MinhHC (SVD3)	Vẽ kỹ thuật(124)_08 HiếuTB (A2.401)	Triết học Mác - Lênin(124)_08 CôngAnN (A2.401)	Nhập môn ngành công nghệ ô tô(124)_03 MỹDX (A2.401)		
			2							
			3			Vật lý đại cương 1(124)_08 LinhLTN (A2.401)			Toán cao cấp 1(124)_12 NhưngNTT (A2.401)	
			4							
			5							
4	DHOTOCK19A4 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Sáng	1		Toán cao cấp 1(124)_13 NhưngNTT (A2.402)	Triết học Mác - Lênin(124)_09 CôngAnN (A2.402)	Vẽ kỹ thuật(124)_09 HiếuTB (A2.402)	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_13_TH MinhHC (SVD1)	Nhập môn ngành công nghệ ô tô(124)_04 VănĐạiN (A2.107)	
			2							
			3	Vật lý đại cương 1(124)_09 HàoBD (A2.402)		Kỹ năng mềm(124)_13 TúPC (A2.402)				
			4							
			5							
5	DHOTOCK19A5 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Chiều	6	Nhập môn ngành công nghệ ô tô(124)_05 MỹDX (A2.412)	Kỹ năng mềm(124)_14 TúPC (A2.412)	Triết học Mác - Lênin(124)_10 HàLTN (A2.412)	Vật lý đại cương 1(124)_10 HàoBD (A2.412)	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_14_TH XuânTrườngN (SVD1)		
			7							
			8				Vẽ kỹ thuật(124)_10 HiếuTB (A2.412)		Toán cao cấp 1(124)_14 NhưngNTT (A2.412)	
			9							
			10							

Học phần lý thuyết: Vật lý đại cương 1 2TC; Vẽ kỹ thuật 2; Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1) 1; Triết học Mác - Lênin 3; Toán cao cấp (1) 2; Nhập môn ngành công nghệ ô tô 3; Kỹ năng mềm 3. Học phần thực hành (SV xem ở lịch thực hành) Thực tập nguội 2 (hoặc Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô 2)

Học phần lý thuyết: Vật lý đại cương 1 2TC; Vẽ kỹ thuật 2; Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1) 1; Triết học Mác - Lênin 3; Toán cao cấp (1) 2; Nhập môn ngành công nghệ ô tô 3; Kỹ năng mềm 3.
Học phần thực hành (SV xem ở lịch thực hành) Thực tập nguội 2 (hoặc Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô 2)

Học phần Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh) : Buổi học đầu tiên SV tập trung tại Hội trường

TT	Lớp/ Thời gian học, thi	Buổi/ Phòng	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Số tín chỉ và chú thích thực hiện
6	DHOTOCK19A6 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Chiều	6		Triết học Mác - Lênin(124)_11 HiềnLTT (A2.411)	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_15_TH XuânTrườngN	Vật lý đại cương 1(124)_11 LinhLTN (A2.411)	Kỹ năng mềm(124)_15 HảiVA (A2.411)	Nhập môn ngành công nghệ ô tô(124)_06 ChínhNH (A2.106)	Học phần lý thuyết: Vật lý đại cương 1 2TC; Vẽ kỹ thuật 2; Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1) 1; Triết học Mác - Lênin 3; Toán cao cấp (1) 2; Nhập môn ngành công nghệ ô tô 3; Kỹ năng mềm 3. Học phần thực hành (SV xem ở lịch thực hành) Thực tập nguội 2 (hoặc Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô 2)
			7							
			8				Toán cao cấp 1(124)_15 ThịHuyềnN (A2.411)			
			9	Vẽ kỹ thuật(124)_11 HiệuTĐ (A2.411)						
			10							
7	DHOTOCK19A7 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Chiều	6			Vẽ kỹ thuật(124)_12 HiệuTĐ (A2.401)	Toán cao cấp 1(124)_16 YếnTH (A2.401)	Triết học Mác - Lênin(124)_12 HàLTN (A2.401)		
			7	Kỹ năng mềm(124)_16 HiềnNTT (A2.401)						
			8		Nhập môn ngành công nghệ ô tô(124)_07 VănĐạiN (A2.401)	Vật lý đại cương 1(124)_12 VănHTT (A2.401)				
			9	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_16_TH TuấnND (SVĐ3)						
			10							
8	DHOTOCK19A8 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Chiều	6					Toán cao cấp 1(124)_17 ThịHuyềnN (A2.402)	Nhập môn ngành công nghệ ô tô(124)_08 VănĐạiN (A2.101)	
			7	Triết học Mác - Lênin(124)_13 HàLTN (A2.402)	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_17_TH TuấnND (SVĐ3)	Kỹ năng mềm(124)_17 ThảoCT (A2.402)				
			8				Vẽ kỹ thuật(124)_13 HiệuTĐ (A2.402)			
			9		Vật lý đại cương 1(124)_13 LinhLTN (A2.402)					
			10							
9	DHKTOCK19A1+ DHQTKCK19A1 + DHQTNCK19A1+ Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Sáng	1			Kinh tế chính trị Mác – Lênin(124)_07 ThanhVTK (A2.311)	Tin học cơ bản(124)_09 BìnhPT (A2.203)	Triết học Mác - Lênin(124)_06 HàLTN (A2.309)		
			2	Kỹ năng mềm(124)_10 TủPC (A2.211)						
			3		Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_10_TH MinhHC (SVĐ.7)					
			4	Lịch sử các học thuyết kinh tế(124)_01 MỹTrangNT (A2.207(TA))			Toán cao cấp 1(124)_10 ThịHuyềnN (A2.309)			
			5							
10	DHCDTCK19A1+ DHDTVCK19A1+ DHKMTCK19A1+ DHKTNCK19A1 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Sáng	1			Kinh tế chính trị Mác – Lênin(124)_07 ThanhVTK (A2.311)	Tin học cơ bản(124)_09 BìnhPT (A2.203)	Triết học Mác - Lênin(124)_06 HàLTN (A2.309)		
			2	Kỹ năng mềm(124)_10 TủPC (A2.211)						
			3		Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_10_TH MinhHC (SVĐ.7)	Vật lý đại cương 1(124)_06 OanhNTT (A2.311)				
			4				Toán cao cấp 1(124)_10 ThịHuyềnN (A2.309)			
			5							

học phần Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh): Buổi học đầu tiên SV tập trung tại Hội trường

TT	Lớp/ Thời gian học, thi	Buổi/ Phòng	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Số tín chỉ và chú thích thực hiện
11	DHCTTCK19A1 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Sáng	1	Lập trình C/C++(124)_01 LinhLT (A2.304)	Triết học Mác - Lênin(124)_01 CôngAnN (A2.304)	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_01_TH LuyệnNV (SVĐ1)	Nhập môn ngành Công nghệ thông tin(124)_01 VinhHN (A2.304)	Kỹ năng mềm(124)_01 TâmPT (A2.304)		Học phần lý thuyết: Toán cao cấp (1) 2;Tin học cơ bản 3;Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh (1)1;Triết học Mác - Lênin 3; Kỹ năng mềm 3; Nhập môn ngành Công nghệ thông tin 3; Lập trình C/C++ 2 Thực hành: Lắp ráp và cài đặt máy tính 2
			2							
			3	Tin học cơ bản(124)_01 GiangTB (A2.304)					Toán cao cấp 1(124)_01 ThịHuyềnN (A2.304)	
			4							
			5							
12	DHCTTCK19A2 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Chiều	6	Nhập môn ngành Công nghệ thông tin(124)_02 VinhHN (A2.304)		Kỹ năng mềm(124)_06 PhongLT (A2.304)	Triết học Mác - Lênin(124)_04 CôngAnN (A2.304)	Tin học cơ bản(124)_04 LinhLT (A2.304)		
			7							
			8							
			9	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_06_TH ThámPV (SVĐ.7)	Lập trình C/C++(124)_02 ThủyNTP (A2.304)	Toán cao cấp 1(124)_06 YếnTH (A2.304)				
			10							
13	DHKCKCK19A1 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Sáng	1	Vẽ kỹ thuật(124)_14 ĐạoVQ (A2.410)	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_19_TH LuyệnNV (SVĐ.7)		Kỹ năng mềm(124)_20 HiềnNTT (A2.410)	Tin học cơ bản(124)_12 GiangTB (A2.410)		Học phần lý thuyết: Toán cao cấp (1) 2;Tin học cơ bản 3;Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh (1)1; Kỹ năng mềm 3; Triết học Mác - Lênin 3;Vẽ kỹ thuật 2; Nhập môn ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí 3 Học phần thực hành (SV xem ở lịch thực hành): Hàn cơ bản 2
			2							
			3	Triết học Mác - Lênin(124)_14 HàLTN (A2.410)		Nhập môn ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí(124)_02 BìnhNT (A2.410)			Toán cao cấp 1(124)_20 YếnTH (A2.410)	
			4							
			5							
14	DHKCKCK19A2 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Chiều	6		Vẽ kỹ thuật(124)_06 HiếuTD (A2.409)	Tin học cơ bản(124)_08 VinhNTQ (A2.409)		Kỹ năng mềm(124)_09 ThảoCT (A2.409)		
			7							
			8	Nhập môn ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí(124)_01 ĐạoVQ (A2.409)	Triết học Mác - Lênin(124)_05 CôngAnN (A2.409)	Toán cao cấp 1(124)_09 YếnTH (A2.409)	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_09_TH ThoLA (SVĐ.7)			
			9							
			10							

Học phần Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh) : Buổi học đầu tiên SV tập trung tại Hội trường

TT	Lớp/ Thời gian học, thi	Buổi/ Phòng	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Số tín chỉ và chú thích thực hiện
15	DHDDTCK19A1 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Sáng	1		Kỹ năng mềm(124)_03 HiềnNTT (A2.404)		Vẽ kỹ thuật(124)_02 VănSinhL (A2.404)		Nhập môn ngành kỹ thuật điện, điện tử(124)_01 VănTuânP (A2.108)	Học phần lý thuyết: Toán cao cấp (1) 2;Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh) (1)1;Vẽ kỹ thuật 2; ; Vật lý đại cương (1)2; Kỹ năng mềm 3;Tin học cơ bản 3; Nhập môn ngành kỹ thuật điện, điện tử 3 Học phần thực hành (SV xem ở lịch thực hành): Sử dụng dụng cụ đo nghề và đo lường điện 2
			2							
			3			Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_03_TH LuyệnNV (SVĐ1)	Toán cao cấp 1(124)_03 ThịHuệL (A2.404)	Tin học cơ bản(124)_02 LinhLT (A2.404)		
			4		Vật lý đại cương 1(124)_02 LinhLTN (A2.404)					
			5							
16	DHDDTCK19A2 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Sáng	1		Kỹ năng mềm(124)_07 PhongLT (A2.409)	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_07_TH TuấnND (SVĐ3)	Toán cao cấp 1(124)_07 YếnTH (A2.409)	Vẽ kỹ thuật(124)_04 CườngLP (A2.409)		
			2							
			3					Vật lý đại cương 1(124)_04 HàoBD (A2.409)	Tin học cơ bản(124)_05 GiaTT (A2.409)	
			4							
			5							
		Chiều	6						Nhập môn ngành kỹ thuật điện, điện tử(124)_02 VănTuânP (A2.108)	
			7							
			8							
			9							
			10							
17	DHDDTCK19A3 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Chiều	6		Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_08_TH ThámPV (SVĐ.7)	Tin học cơ bản(124)_06 LinhLT (A2.403)	Toán cao cấp 1(124)_08 ThịHuyềnN (A2.403)	Kỹ năng mềm(124)_08 HiềnNTT (A2.403)		
			7							
			8	Nhập môn ngành kỹ thuật điện, điện tử(124)_03 VănTuânP (A2.403)			Vẽ kỹ thuật(124)_05 VănSinhL (A2.403)			
			9			Vật lý đại cương 1(124)_05 HàoBD (A2.403)				
			10							
18	DHCTMCK19A1 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Sáng	1	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_05_TH TuấnND (SVĐ.7)	Triết học Mác - Lênin(124)_03 HiềnLTT (A2.403)	Nhập môn ngành Công nghệ chế tạo máy(124)_01 SonLT (A2.403)	Tin học cơ bản(124)_07 HoaVTK (A2.403)	Kỹ năng mềm(124)_05 TủPC (A2.403)		
			2							
			3							
			4		Vẽ kỹ thuật(124)_03 TânHH (A2.403)	Toán cao cấp 1(124)_05 ThịHuyềnN (A2.403)				
			5							

Học phần Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh):Buổi học đầu tiên SV tập trung tại Hội trường

TT	Lớp/ Thời gian học, thi	Buổi/ Phòng	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Số tín chỉ và chú thích thực hiện
19	DHCTMCK19A2 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Chiều	6	Kỹ năng mềm(124)_21 ThảoCT (A2.410)		Toán cao cấp 1(124)_21 NhưngNTT (A2.410)	Triết học Mác - Lênin(124)_15 AnhNTL (A2.410)	Tin học cơ bản(124)_13 ĐàoPT (A2.410)		Học phần lý thuyết: Toán cao cấp (1) 2;Tin học cơ bản 3;Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh) (1)1; Kỹ năng mềm 3; Triết học Mác - Lênin 3;Vẽ kỹ thuật 2; Nhập môn ngành Công nghệ chế tạo máy 3; Học phần thực hành (SV xem ở lịch thực hành): Gia công nguội - Hàn cơ bản 2
			7							
			8		Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_20_TH XuânTrườngN (...)	Nhập môn ngành Công nghệ chế tạo máy(124)_02 ChungN (A2.410)				
			9				Vẽ kỹ thuật(124)_15 ChungLT (A2.410)			
			10							
20	DHTDHCK19A1 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Chiều	6	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(124)_01 XuânHộiNT (A2.211)	Nhập môn ngành Điều khiển&TĐH(124)_01 TuấnNK (A2.211)	Tin học cơ bản(124)_03 GiaTT (A2.211)	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_04_TH ThoLA (SVD2)	Kỹ năng mềm(124)_04 TúPC (A2.211)		Học phần lý thuyết: Toán cao cấp (1) 2;Tin học cơ bản 3;Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh) (1)1;Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)2; Vật lý đại cương (1)2; Kỹ năng mềm 3; TNhập môn ngành Điều khiển&TĐH 3 Học phần thực hành (SV xem ở lịch thực hành): Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện 2
			7							
			8	Toán cao cấp 1(124)_04 ThịHuyềnN (A2.211)	Vật lý đại cương 1(124)_03 HàoBD (A2.211)					
			9							
			10							
21	DHTDHCK19A2 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Chiều	6	Kỹ năng mềm(124)_18 TâmPT (A2.404)	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(124)_02 XuânHộiNT (A2.404)	Tin học cơ bản(124)_10 GiaTT (A2.404)				Học phần thực hành (SV xem ở lịch thực hành): Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện 2
			7							
			8		Nhập môn ngành Điều khiển&TĐH(124)_02 TuấnNK (A2.404)	Toán cao cấp 1(124)_18 NhưngNTT (A2.404)				
			9		Vật lý đại cương 1(124)_14 OanhNTT (A2.404)			Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_18_TH XuânTrườngN (SVD2)		
			10							
22	DHTDHCK19A3 Học:09/9÷21/12/2024(15T) ĐF:23/12÷28/12/2024(1T) Thi 30/12 -25/01/2025(4T)	Sáng	1		Vật lý đại cương 1(124)_15 LinhLTN (A2.211)	Kỹ năng mềm(124)_19 HảiVA (A2.211)		Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(124)_03 XuânHộiNT (A2.211)	Nhập môn ngành Điều khiển&TĐH(124)_ 03 TuấnNK (A2.209)	
			2							
			3		Toán cao cấp 1(124)_19 ThịHuệL (A2.211)		Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)(124)_01 MinhHC (SVD1)	Tin học cơ bản(124)_11 ĐứcPV (A2.211)		
			4							
			5							

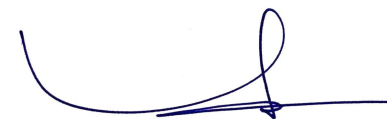
học phần Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh):Buổi học đầu tiên SV tập trung tại Hội trường

NGƯỜI LẬP TKB



Trần Ngọc Trường

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Văn Thống